

Số: 01/2022/QĐST-DS

B, ngày 30 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 22 tháng 11 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Tr A h chấp hợp đồng vay vốn thụ lý số 09/2022/TLST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Trung tâm phát triển cộng đồng tỉnh Đ (CCD). Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Đ L - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản lý - là nguyên đơn.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lợi là: Ông Trần H A - Chức vụ: Phó giám đốc và bà Lò Thị A ; địa chỉ: Số nhà 58, tổ dân phố 06, phường Tân Th A h, thành phố B, tỉnh Đ;

- Bị đơn: Bà Vũ Thị L và ông Hoàng Văn H; Cùng địa chỉ: Tổ dân phố 6, phường H L, thành phố B, tỉnh Đ.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bà Vũ Thị L và ông Hoàng Văn H có nghĩa vụ trả cho Trung tâm phát triển cộng đồng tỉnh Đ (CCD) số tiền gốc và tiền lãi được tính đến ngày 10/10/2022 theo Hợp đồng vay vốn kiêm kế ước nhận nợ là 15.230.000 đồng, bao gồm:

- Nợ gốc là 13.150.000 đồng;

- Tiền lãi là 2.080.000 đồng

Đối với tiền lãi phát sinh tính từ ngày 11/10/2022 đến ngày 09/12/2022 Trung tâm phát triển cộng đồng tỉnh Đ (CCD) không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí: Căn cứ khoản 3 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Vũ Thị L chịu 190.000 đồng án phí DSST có giá ngạch và ông Hoàng Văn H chịu 190.000 đồng án phí DSST có giá ngạch. Bà L và ông H chưa nộp án phí.

- Tiền tạm ứng án phí: Trả cho Trung tâm phát triển công đồng tỉnh Đ(CCD) do bà Trần Thị Nguyệt nộp số tiền tạm ứng án phí là 830.000 đồng theo biên lai số: 0002034 ngày 13/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được Ủy ban A hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Thi hành án dân sự: Theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Thành phố ĐBP;
- Chi cục THADS TP.ĐBP;
- Tòa án ND tỉnh Đ;
- Kế toán;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn phòng;

THẨM PHÁN

Trần Thị Thương Huyền